

Số: 2037/QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
và phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật
đối với Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Huy Yến
thuộc Hộ kinh doanh Huy Yến**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 24/9/2026 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định số 1972/QĐ-SYT ngày 22/9/2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Bắc Ninh về việc thành lập Đoàn thẩm định cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Huy Yến thuộc Hộ kinh doanh Huy Yến;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Huy Yến thuộc Hộ kinh doanh Huy Yến, cụ thể như sau:

- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 1239/BN-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Bắc Ninh cấp ngày 02/10/2026.

- Hình thức tổ chức: Phòng khám Răng Hàm Mặt.

- Quy mô, cơ cấu tổ chức: 01 chuyên khoa Răng Hàm Mặt.

- Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh, mã số: 037088013841, tên Hộ kinh doanh: Hộ kinh doanh Huy Yến; Chủ hộ kinh doanh: Phạm Văn Huy do Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị, UBND phường Trạm Lộ cấp; đăng ký lần đầu ngày 14/4/2026.



- Địa chỉ hoạt động: Thửa đất số 354, tờ bản đồ số 14, tổ dân phố Ngọc Nội, phường Trạm Lộ, thành phố Bắc Ninh.

- Thời gian làm việc hằng ngày: Từ 7h30 đến 19h00 các ngày từ thứ Hai đến Chủ nhật.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở: Bác sĩ Bùi Quang Anh, chứng chỉ hành nghề số 0008541/QNI-CCHN do Sở Y tế Quảng Ninh cấp ngày 17/01/2023; phạm vi hoạt động chuyên môn: khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt (không phẫu thuật Hàm Mặt).

- Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 27361

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện 74 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (chi tiết danh mục kỹ thuật phê duyệt theo Phụ lục 01 đính kèm).

- Danh sách đăng ký hành nghề: 04 người hành nghề (theo Phụ lục 02 đính kèm).

Điều 2. Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Huy Yến thuộc Hộ kinh doanh Huy Yến có trách nhiệm tổ chức, triển khai đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được phê duyệt, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định Bộ Y tế, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và các quy định pháp luật khác liên quan trong quá trình hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng các Phòng, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Phòng khám Răng Hàm Mặt - Nha khoa Huy Yến thuộc Hộ kinh doanh Huy Yến và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế (để b/c);
- UBND phường Trạm Lộ;
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tải);
- Lưu: VT, QLHN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thu Hương

Phụ lục 01
PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN, DANH MỤC KỸ THUẬT
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT - NHA KHOA
HUY YẾN THUỘC HỘ KINH DOANH HUY YẾN
Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-SYT ngày 02/10/2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Bắc Ninh)

STT	Danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế			
	STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1.	2956	3.1836	03. NHI KHOA	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) kết hợp Composite
2.	2964	3.1844	03. NHI KHOA	Veneer Composite trực tiếp
3.	2965	3.1845	03. NHI KHOA	Chụp tủy bằng MTA
4.	2966	3.1846	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
5.	2967	3.1847	03. NHI KHOA	Lấy tủy buồng Răng vĩnh viễn
6.	2971	3.1851	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
7.	3047	3.1927	03. NHI KHOA	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
8.	3048	3.1928	03. NHI KHOA	Điều trị viêm quanh răng
9.	3060	3.1940	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
10.	3061	3.1941	03. NHI KHOA	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
11.	3064	3.1944	03. NHI KHOA	Điều trị tủy răng sữa
12.	3065	3.1945	03. NHI KHOA	Điều trị đóng cuống răng bằng canxi hydroxit
13.	3066	3.1946	03. NHI KHOA	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
14.	3070	3.1950	03. NHI KHOA	Hàn răng không sang chân với Glassionomer Cement (GiC)
15.	3071	3.1952	03. NHI KHOA	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Composite
16.	3072	3.1953	03. NHI KHOA	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)
17.	3074	3.1955	03. NHI KHOA	Nhổ răng sữa
18.	3075	3.1956	03. NHI KHOA	Nhổ chân răng sữa
19.	3077	3.1958	03. NHI KHOA	Trích áp xe lợi trẻ em
20.	3078	3.1959	03. NHI KHOA	Điều trị viêm lợi trẻ em
21.	3081	3.1962	03. NHI KHOA	Máng chống nghiêng răng
22.	3091	3.1973	03. NHI KHOA	Chụp nhựa
23.	14353	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
24.	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
25.	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
26.	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi

27.	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
28.	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
29.	14366	16.51	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy
30.	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
31.	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
32.	14373	16.58	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
33.	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
34.	14375	16.60	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
35.	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
36.	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
37.	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
38.	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
39.	14384	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
40.	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
41.	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
42.	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
43.	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc
44.	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
45.	14417	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
46.	14418	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
47.	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
48.	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
49.	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
50.	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo

51.	14449	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiêng răng bằng máng
52.	14450	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
53.	14451	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
54.	14452	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
55.	14453	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
56.	14454	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
57.	14455	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
58.	14456	16.143	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
59.	14457	16.144	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
60.	14458	16.145	16. RĂNG HÀM MẶT	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay
61.	14506	16.193	16. RĂNG HÀM MẶT	Gắn band
62.	14512	16.199	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nhỏ răng khôn mọc lệch hàm trên
63.	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng vĩnh viễn
64.	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay
65.	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ chân răng vĩnh viễn
66.	14519	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhỏ răng thừa
67.	14526	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
68.	14533	16.220	16. RĂNG HÀM MẶT	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
69.	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
70.	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
71.	14538	16.225	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant
72.	14539	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
73.	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chấn với GlassIonomer Cement
74.	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn

(Tổng số: 74 kỹ thuật)

Phụ lục 02
DANH SÁCH NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT - NHA KHOA
HUY YẾN THUỘC HỘ KINH DOANH HUY YẾN

Kèm theo Quyết định số: 2037/QĐ-SYT ngày 02/10/2026 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Bắc Ninh)

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KBCB	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KBCB khác (nếu có)	Ghi chú
1.	Bùi Quang Anh	0008541/QNI-CCHN ngày 17/01/2023	KBCB chuyên khoa RHM	Từ 07h30 đến 19h00 từ thứ Hai đến Chủ nhật	Người chịu trách nhiệm CMKT phòng khám; Bác sĩ KBCB chuyên khoa RHM	Không	
2.	Trịnh Thị Yến	000721/BN-GPHN ngày 30/9/2025	Y khoa	Từ 17h00 đến 19h00 từ thứ Hai đến thứ Sáu; từ 07h30 đến 19h00 thứ Bảy và Chủ nhật	Bác sĩ KBCB Y khoa	Không	
3.	Trịnh Thị Hạnh	000717/BN-GPHN ngày 23/9/2025	Điều dưỡng	Từ 07h30 đến 19h00 từ thứ Hai đến Chủ nhật	Điều dưỡng	Không	
4.	Nguyễn Thị Thu Trang	001278/BN-GPHN ngày 19/03/2026	Điều dưỡng	Từ 07h30 đến 19h00 từ thứ Hai đến Chủ nhật	Điều dưỡng	Không	